

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 8 năm 2020

“Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Quỳnh

Bà Trần Thị Thìn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2020 về việc “Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ 3, ấp PS, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ 3, ấp PS, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh S vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tường trình nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Hồng S, sau khi tìm hiểu đã đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 19/5/2016.

Trong quá trình chung sống, giai đoạn đầu hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, anh S sống gia trưởng, sống không có tình cảm, thường xuyên vô cớ chửi mắng, đánh đập, xúc phạm chị mặc dù gia đình đã can thiệp, khuyên bảo nhưng anh S vẫn không thay đổi. Hiện tại, hai người đã không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 31/10/2016 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/12/2018. Khi ly hôn, Chị T yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Do bận việc nên Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

** Bị đơn anh Nguyễn Hồng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa làm việc, xét xử nhưng anh S đều vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị T và anh S có đăng ký kết hôn tự nguyện và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, anh S sống gia trưởng thường xuyên đánh đập, xúc phạm Chị T mặc dù gia đình đã khuyên bảo nhưng anh S vẫn không thay đổi. Hiện nay, hai người đã không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc

nhau nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T về việc ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/12/2018 và Nguyễn Hà A, sinh ngày 31/10/2016. Con chung hiện đang còn nhỏ, đang ở ổn định với Chị T, Chị T có thu nhập ổn định đảm bảo nuôi các con chung. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc nhưng anh S không đến Tòa làm việc, không có ý kiến về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, nhằm đảm bảo cho cuộc sống ổn định của con nên cần giao 02 con chung cho Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục

Về cấp dưỡng, việc Chị T yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung cùng chị là 1.000.000 đồng/tháng/cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ chung của cha mẹ khi ly hôn, mức cấp dưỡng Chị T yêu cầu là phù hợp nên cần chấp nhận để đảm bảo đời sống cho các con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Chị T khai không có; về án phí: Chị T, anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung với anh Nguyễn Hồng S, địa chỉ tại Tổ 3, ấp PS, xã BS, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Do đó, Chị T được xác định là nguyên đơn, anh S được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung”. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S kết hôn vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/5/2016 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay Chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh S và

được Tòa án thụ lý ngày 10/01/2020 nên áp dụng thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết ly hôn.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn là có thật. Anh S và Chị T bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong xây dựng hạnh phúc gia đình mặc dù gia đình hai bên đã can thiệp, khuyên bảo nhưng vẫn không có kết quả. Điều này được thể hiện tại lời khai của nguyên đơn, người làm chứng chị Trần Thị D (bút lục 16, 19, 29,20). Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, tại Tòa án, anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia phiên tòa để nêu ý kiến của mình, điều này thể hiện anh S đã bỏ mặc, không còn mong muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Như vậy, chứng tỏ Chị T và anh S có mâu thuẫn trầm trọng, hai người không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc nhau, không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau, không cùng mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/12/2018 và Nguyễn Hà A, sinh năm 31/10/2016. Các con chung hiện đang còn nhỏ và đang sống ổn định với Chị T, Chị T có thu nhập hàng tháng ổn định trung bình khoảng 6.500.000/tháng (bút lục 22). Chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi các con chung, trong khi anh S trong suốt quá trình tố tụng, không tham gia làm việc với Tòa án, không có ý kiến về nguyện vọng được nuôi các con chung. Nên cần giao hai con chung cho Chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, Chị T yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ chung của cha mẹ khi ly hôn, mức cấp dưỡng Chị T yêu cầu là phù hợp nên cần chấp nhận để đảm bảo cho đời sống của các con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Chị T khai không có nợ chung.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hồng S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 31/10/2016 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/12/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Nguyễn Hồng S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị T mỗi với số tiền 1.000.000 đồng/tháng/cháu. Thời hạn cấp dưỡng từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Hồng S không cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận như trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn

đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006841 ngày 08/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Hồng S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
 - Các đương sự;
 - UBND xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;
- (Giấy CNKH số: 24, ngày 19/5/2016)
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom;
 - Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán;
- Mẫu 52-DS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Phạm Phú Tra